

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13/4/2022
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Bạ**
Bà **Nguyễn Thị Lý**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Hồng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Ngọc Chiêu Quyên** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 13 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 954/2021/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2021 về việc “**Ly hôn**”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2022 giữa các đương sự sau:

1. - *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Kim D** – sinh năm 1979

HKTT: 29/2 đường A, phường H, thành phố T

Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông **Lê Tâm D** – sinh năm 1978

HKTT: 29/2 đường A, phường H, thành phố T

Hiện đang chấp hành cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh H

Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim D trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa: Tôi và anh Lê Tâm D chung sống với nhau năm 2000, đến năm 2008 chúng tôi mới đăng ký kết hôn. Nay tôi xin ly hôn với anh D vì tôi không còn tình cảm với anh D nữa. Tôi và anh D chỉ có là vợ chồng trên danh nghĩa vì anh D thường xuyên hết đi tù lại đi cai nghiện, hiện nay anh D đang chấp hành cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh H. Mấy năm trước khi tôi đề cập đến vấn đề ly hôn với anh D thì anh D không cho tôi ly hôn, quậy phá mắng chửi tôi. Bao nhiêu năm nay tôi cứ phải thuê mướn thay đổi chỗ ở liên tục. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn để tôi an tâm sinh sống nuôi con.

Tôi và anh D có 02 con chung là Lê Ngọc Khánh U sinh ngày 19/12/2000 và Lê Ngọc Khánh H sinh ngày 13/6/2012. Cháu U đã trưởng thành còn cháu H tôi xin nuôi và không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung chúng tôi tự giải quyết.

Bị đơn ông Lê Tâm D trình bày tại đơn trình bày ý kiến ngày 17/02/2022: Tôi và bà Lê Thị Kim D kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn. Nay bà D xin ly hôn, tôi đồng ý.

Tôi và bà D có 02 con chung là Lê Ngọc Khánh U sinh ngày 19/12/2000 và Lê Ngọc Khánh H sinh ngày 13/6/2012. Cháu U đã trưởng thành còn cháu Huy tôi giao cho bà D nuôi dưỡng.

Tài sản chung và nợ chung chúng tôi tự giải quyết.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, con chung của nguyên đơn. Về tài sản chung, không xem xét do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

- Việc bà Lê Thị Kim D khởi kiện yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Lê Tâm D, xét yêu cầu khởi kiện của bà D là hoàn toàn đúng pháp luật nên chấp nhận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T.

- Tại phiên toà hôm nay ông Lê Tâm D vắng mặt, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của ông D và ông D xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Lê Tâm D.

*** Về nội dung vụ án:** Bà Lê Thị Kim D và ông Lê Tâm D tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân phường H – thành phố T– tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2008 ngày 12/5/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong suốt quá trình kết hôn, sinh con, ông D thường xuyên vắng nhà do chấp hành án phạt tù và cai nghiện. Vợ chồng không có sự yêu thương san sẻ gánh nặng gia đình. Do đó, có thể nhận thấy rằng cuộc sống hôn nhân của bà D và ông D không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D.

- Về con chung: Bà Lê Thị Kim D và ông Lê Tâm D có 02 con chung là Lê Ngọc Khánh U sinh ngày 19/12/2000 và Lê Ngọc Khánh H sinh ngày 13/6/2012. Cháu U đã trưởng thành còn cháu H bà D xin nuôi và không yêu cầu ông D cấp dưỡng. Ông D đồng ý giao con cho bà D nuôi dưỡng. Cháu H cũng có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà D, giao con chung là Lê Ngọc Khánh H sinh ngày 13/6/2012 cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Bà Lê Thị Kim D phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Lê Thị Kim D được ly hôn ông Lê Tâm D.

2/ Về con chung: giao con chung là Lê Ngọc Khánh H sinh ngày 13/6/2012 cho bà Lê Thị Kim D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành. Bà Lê Thị Kim D không yêu cầu ông Lê Tâm D cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Tâm D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Đồng thời ông D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà D, ông D có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4/ Về án phí: Bà Lê Thị Kim D phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng bà D đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000822 ngày 14/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố T, bà Lê Thị Kim D đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhân:

- Tòa án nhân dân tỉnh H;
 - Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;
 - Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;
 - UBND phường H-Tp. T-tỉnh H
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2008);
- Đương sự;
 - Lưu hồ sơ.

Đào Dương Thị Phương Dung